

Số: 11/NQ-HĐND

Thạch Hà, ngày 29 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 – 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ KHÓA XIX – KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 1373/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 5 năm 2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Xét tờ trình số: 2781/TTr-UBND, ngày 21 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện; báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 – 2022 (có Quy định cụ thể kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân huyện Khóa XIX, Kỳ họp thứ 12 thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Nông thôn mới tỉnh;
- Sở Tư pháp; Trung tâm Công báo tỉnh;
- TTr Huyện ủy, HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ban, phòng, ngành đoàn thể cấp huyện;
- TTr HĐND, UBND các xã, thị trấn
- Lưu: VT, UBND.



Nguyễn Văn Thắng

QUY ĐỊNH

Một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 – 2022.

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số // /NQ-HĐND,
ngày 9 tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Thạch Hà)*

PHẦN I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (gọi chung là người sản xuất); xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, đô thị văn minh trên địa bàn toàn huyện.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, đô thị văn minh giai đoạn từ năm 2021 đến 31/12/2022, trên địa bàn toàn huyện.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Chỉ hỗ trợ 01 lần cho tất cả các đối tượng đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại văn bản này khi hoàn thành đưa vào sử dụng.

2. Ngoài các chính sách này, các tổ chức, cá nhân còn được hưởng các chính sách khác của Trung ương, tỉnh (nếu có) nhưng không trùng nội dung. Trường hợp nếu có văn bản khác của cấp có thẩm quyền có cùng nội dung hỗ trợ thì chỉ được hưởng mức cao nhất của một trong các chính sách hiện hành.

3. Các trường hợp sử dụng nguồn vốn sai mục đích sẽ bị thu hồi vốn.

Điều 4. Nguồn vốn thực hiện

1. Ngân sách huyện;
2. Lồng ghép các nguồn vốn khác.

PHẦN II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Lĩnh vực trồng trọt

1. Hỗ trợ các xã, thị trấn thực hiện phá bỏ bờ thửa nhỏ trong sản xuất lúa, hình thành ruộng sản xuất lớn có quy mô từ 0,5ha/thửa trở lên, mỗi vùng tối thiểu 10ha:

a. Hỗ trợ 5,0 triệu đồng/ha để phá bờ thửa, cắm mốc ranh giới và làm phẳng mặt ruộng sản xuất; hỗ trợ 50% giá giống lúa cho vụ sản xuất đầu tiên sau

cải tạo; hỗ trợ công tác chỉ đạo thực hiện cho cán bộ thôn hoặc Hợp tác xã, Tổ hợp tác theo mức diện tích thực hiện (hỗ trợ thông qua xã): từ 10ha đến 20ha được hỗ trợ 10 triệu đồng; sau đó cứ tăng thêm 01ha được hỗ trợ 200.000 đồng/ha, nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/vùng. Các đơn vị thực hiện trên 50% diện tích sản xuất lúa của địa phương được thưởng với mức 25 triệu đồng/xã, thị trấn.

b. Các Doanh nghiệp tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên các vùng đất đã cải tạo, phá bờ thửa nhỏ, quy mô tối thiểu 70 tấn/vụ (thu mua lúa tươi tại ruộng), hợp đồng liên kết tối thiểu 03 năm, được hỗ trợ 300.000đồng/tấn, tối đa không quá 50 triệu đồng/xã, thị trấn/vụ.

c. Hỗ trợ 50% kinh phí đo đạc, chỉnh lý bản đồ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện chuyển đổi ruộng đất.

d. Hỗ trợ kinh phí để làm đường giao thông nội đồng (cấp phối hoặc bê tông xi măng) đối với các tuyến có nền đường đã ổn định; kênh bê tông xi măng tại các vùng thực hiện cải tạo đất trồng lúa, phá bỏ ô thửa nhỏ hình thành ruộng sản xuất lớn với mức tối đa 50 triệu đồng/km và không quá 100 triệu đồng/xã, thị trấn/năm đối với mỗi loại.

2. Tổ chức, cá nhân xây dựng hệ thống nhà lưới đảm bảo theo thiết kế mẫu của Ủy ban nhân dân huyện ban hành để làm vườn ươm giống cây hoặc sản xuất các loại hoa, rau, củ, quả thực phẩm có giá trị kinh tế cao, quy mô tối thiểu 200m² trở lên được hỗ trợ 100.000 đồng/m² chi phí xây dựng hệ thống nhà lưới, các thiết bị phục vụ sản xuất nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất cây dược liệu (thuộc danh mục cây dược liệu theo quy định hiện hành của Bộ Y tế ban hành) quy mô tối thiểu 0,5ha tập trung được hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, tối đa 30 triệu đồng/ha.

4. Hỗ trợ sản xuất thử giống mới: Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống lúa mới (đã được công nhận giống sản xuất thử hoặc giống chính thức) và kinh phí mua phân bón để sản xuất thử nhằm đánh giá thực tiễn, bổ sung bộ giống lúa chủ lực của huyện theo phương án được UBND huyện phê duyệt; mỗi vụ sản xuất không quá 30 triệu đồng.

5. Hỗ trợ hộ gia đình cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn trồng mới cây ăn quả (Cam, Bưởi, Ổi, Na, Thanh Long, Mít Thái...) có quy mô tập trung từ 30 cây các loại trở lên được hỗ trợ kinh phí mua cây giống với mức 15.000 đồng/cây (Thanh Long 15.000 đồng/trụ) nhưng tối đa không quá 3,0 triệu đồng/vườn. Trường hợp có từ 05 vườn liền kề trở lên trên một cụm dân cư thực hiện đảm bảo các tiêu chí nêu trên được hỗ trợ thêm 2,0 triệu đồng/vườn.

6. Hỗ trợ hệ thống tưới:

a. Hỗ trợ 50% kinh phí lắp đặt thiết bị tưới tiên tiến, tiết kiệm nước tại các vùng sản xuất rau củ quả tập trung có quy mô tối thiểu 2 ha, tối đa 50 triệu đồng/ha và không quá 200 triệu đồng/xã, thị trấn/năm.

b. Hỗ trợ kinh phí lắp đặt hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho các vườn có diện tích từ 500 m² trở lên, diện tích lắp đặt hệ thống tưới của vườn từ 300 – dưới 1.000 m², mức hỗ trợ 2 triệu đồng/vườn; diện tích lắp đặt hệ thống tưới từ 1.000 – dưới 3.000 m², mức hỗ trợ: 3 triệu đồng/vườn; Từ 3.000 m² trở lên, mức hỗ trợ 5 triệu đồng/vườn.

7. Hỗ trợ phát triển sản xuất hoa cây cảnh: Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống hoa (hoa cúc, đồng tiền, đào phai, mai vàng...) quy mô sản xuất tập trung từ 200m² trong nhà lưới, 1.000m² ngoài trời, mức hỗ trợ tối đa 01 triệu đồng/100m² và tối đa 20 triệu đồng/tổ chức, cá nhân. Riêng đối với đào phai chỉ hỗ trợ diện tích trồng mới lần đầu.

8. Tổ chức, cá nhân sản xuất dưa lưới trong nhà màng quy mô từ 0,2ha (phạm vi quy mô tính trong thôn); sản xuất rau củ quả tập trung có quy mô 02ha trở lên được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện chứng nhận đạt tiêu chuẩn Vietgap, tối đa 100 triệu đồng/tổ chức, cá nhân và tối đa 200 triệu đồng/xã, thị trấn/năm.

Điều 6. Lĩnh vực chăn nuôi

1. Tổ chức cá nhân chăn nuôi bò thịt chất lượng cao (bò lai Zebu và các giống như BBB, Brahman, Charolaise) theo hình thức nuôi nhốt, đảm bảo vệ sinh môi trường có quy mô thường xuyên tối thiểu 10 con, có diện tích trồng cỏ tối thiểu 500m² được hỗ trợ kinh phí mua giống bò với mức 3,0 triệu đồng/con, tối đa không quá 60 triệu đồng/cơ sở.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất chăn nuôi gà thịt thả vườn, vườn đồi, trên cát theo hướng an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường quy mô thường xuyên từ 1.000 con trở lên được hỗ trợ 5 triệu đồng/cơ sở.

3. Hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi lợn trong khu dân cư với quy mô không quá 20 con/lứa xây dựng bể Bioga thể tích tối thiểu 9m³ được hỗ trợ với mức 3,0 triệu đồng/bể.

4. Hộ gia đình, cá nhân có trâu, bò bị sẩy thai do tiêm phòng (tiêm phòng định kỳ hàng năm do UBND huyện tổ chức) được hỗ trợ với mức 2 triệu đồng/con sẩy thai.

5. Hỗ trợ cho cán bộ hợp đồng trực tiếp thực hiện công tác kiểm soát giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung mức 1,5 triệu đồng/người/tháng, tối đa 02 người/cơ sở.

Điều 7. Lĩnh vực thủy sản

1. Hỗ trợ kinh phí thu mẫu quan trắc, cảnh báo, phòng chống dịch bệnh cho các vùng nuôi trồng thủy sản, mỗi năm 60 triệu đồng.

2. Hỗ trợ 100% chi phí thuê bao sử dụng thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên (không bao gồm: cước nghe, gọi, nhắn tin), tối đa 5 triệu đồng/tàu/năm.

3. Hỗ trợ 100% kinh phí mua sơn đánh dấu tàu cá có chiều dài 6m trở lên tối đa 200 nghìn đồng/tàu (chỉ thực hiện trong năm 2021).

4. Hỗ trợ chuyển đổi nuôi tôm sang thâm canh (trong bể xi măng, bể tròn lót bạt hoặc nuôi trong nhà có hệ thống mái che) với mật độ $\geq 200\text{con/m}^2$ quy mô 5.000m^2 trở lên hỗ trợ 50% kinh phí mua giống (chỉ hỗ trợ đối với cơ sở làm mới), tối đa 50 triệu đồng/cơ sở, không quá 200 triệu đồng/xã, thị trấn/năm.

5. Hỗ trợ xây dựng thí điểm mô hình nuôi Tôm thâm canh sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý môi trường quy mô 5000m^2 trở lên (nằm trong vùng nuôi tôm tập trung quy mô 05ha trở lên, trừ nuôi tôm trên cát): 100% kinh phí mua chế phẩm sinh học tối đa 50 triệu đồng/mô hình, mỗi năm thực hiện 2 mô hình.

Điều 8. Khôi phục và phát triển làng nghề

1. Các xã có làng nghề hoặc nghề truyền thống hoặc làng nghề truyền thống được tỉnh công nhận được thưởng 30 triệu đồng cho mỗi loại.

2. Các cơ sở sản xuất trong vùng định hướng xây dựng, khôi phục làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống được hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư thiết bị máy móc xây dựng mới hoặc mở rộng quy mô sản xuất, chế biến tối đa 100 triệu đồng/cơ sở.

Điều 9. Du nhập, phát triển các đối tượng mới

Tổ chức, cá nhân xây dựng mô hình sản xuất các đối tượng mới (trừ giống lúa mới) để đánh giá, nhân rộng sản xuất có quy mô tối thiểu 1.000m^2 đối với cây trồng, 1.000m^2 đối với nuôi trồng thủy sản trong ao đất hoặc trên cát, 100m^2 đối với nuôi trồng thủy sản trong bể xi măng, 100m^2 chuồng trại đối với chăn nuôi được hỗ trợ 50% kinh phí mua giống, vật tư nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

Điều 10. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

1. Các tổ chức, cá nhân có sản phẩm nâng hạng sao: Nâng hạng từ 3 sao lên 4 sao được thưởng 20 triệu đồng; Nâng hạng từ 4 sao lên 5 sao được thưởng 50 triệu đồng.

2. Các tổ chức cá nhân có sản phẩm tham gia chương trình OCOP khi áp dụng các tiêu chuẩn ISO, VietGap, HACCP, hữu cơ ... vào quản lý, sản xuất được chứng nhận sẽ được hỗ trợ 30 triệu đồng/cơ sở.

3. Các tổ chức, cá nhân xây dựng mô hình sản xuất và cung cấp nguyên liệu có hợp đồng liên kết thu mua ổn định nguyên liệu với cơ sở sản xuất sản phẩm OCOP tối thiểu 5 năm và có giá trị hợp đồng từ 1.000 triệu đồng/năm trở lên được hỗ trợ một lần 200 triệu đồng để: đầu tư củng cố hạ tầng vùng sản xuất; đào tạo tập huấn, mua sắm trang thiết bị, vật tư, giống; xây dựng, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng; thuê chuyên gia tư vấn thực hiện xây dựng quy hoạch, kế hoạch, phương án sản xuất và phát triển nguyên liệu...

Điều 11. Lĩnh vực môi trường

1. Hỗ trợ công tác phân loại, xử lý rác thải tại nguồn: Các thôn, tổ dân phố có ít nhất 70% số hộ thực hiện phân loại và xử lý rác thải tại nguồn được thưởng 10 triệu đồng/thôn, tổ dân phố. Đối với các đơn vị có 100% số thôn, tổ dân phố

thực hiện hoàn thành trước 01/7/2021 được thưởng với mức 2 triệu đồng/thôn, tổ dân phố (thưởng cho các xã, thị trấn).

2. Hỗ trợ các hộ xây dựng hệ thống bể xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định, mức hỗ trợ 300.000 đồng/bể/hộ; Hỗ trợ các hộ xây dựng bể xử lý nước thải, rác thải chôn nuôi (bể lắng) đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định, mức hỗ trợ 500.000 đồng/bể/hộ; mức tối đa của mỗi loại không quá 100 triệu đồng/xã, thị trấn/năm;

3. Hỗ trợ mua chế phẩm sinh học xử lý rác thải sinh hoạt cho các xã, thị trấn, mức tối đa không quá 15 triệu đồng/xã, thị trấn/năm;

4. Đối với các thôn, tổ dân phố có tối thiểu 50% số hộ xây dựng hố xử lý chất thải sinh hoạt hữu cơ (đảm bảo theo yêu cầu, hướng dẫn) tại hộ gia đình được thưởng 20 triệu đồng/thôn, tổ dân phố. Riêng các xã, thị trấn có 50% số thôn, tổ dân phố thực hiện được thưởng với mức 3 triệu đồng/thôn, tổ dân phố thực hiện (thưởng cho xã, thị trấn).

5. Hỗ trợ đầu tư khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại xã Việt Tiến, với mức 30% chi phí đầu tư và tối đa không quá 2.000 triệu đồng.

Điều 12. Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh

1. Hỗ trợ các xã, thị trấn

a. Xây dựng mới nhà văn hóa thôn, tổ dân phố với mức 150 triệu đồng/nhà văn hóa

b. Xây dựng công trình vệ sinh nhà văn hóa thôn, tổ dân phố đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định được hỗ trợ 20 triệu đồng/công trình

c. Hỗ trợ mỗi xã xây dựng 01 tua tuyến trải nghiệm nông thôn mới kết nối đường trục chính với khu dân cư NTM kiểu mẫu theo phương án được UBND huyện thẩm định với mức hỗ trợ 50% kinh phí và tối đa 100 triệu đồng/tua tuyến/xã

d. Hỗ trợ 100% kinh phí xi măng để mở rộng thêm (một hoặc hai bên) đường giao thông nông thôn bê tông xi măng tối thiểu một bên 01m.

đ. Hỗ trợ xây dựng rãnh thoát nước đường ngõ xóm, ngách hẻm tổ dân phố bằng BTXM hoặc xây gạch (tối thiểu BxH: 30 x 40 cm) với mức 30 triệu đồng/km nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/xã, thị trấn/năm.

2. Đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu

Các xã được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn: Nông thôn mới nâng cao được thưởng 1.000 triệu đồng/xã; Nông thôn mới kiểu mẫu được thưởng 2.000 triệu đồng/xã.

3. Đối với các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2021-2022.

a. Hỗ trợ 30% kinh phí thuê máy đào, máy xúc, máy cưa để chỉnh trang khu dân cư kiểu mẫu nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/xã.

b. Hỗ trợ làm mới, thay thế các biển báo giao thông, biển chỉ dẫn tại các điểm giao nhau của các đường giao thông từ đường trục thôn trở lên với mức 500 ngàn đồng/biển nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng/xã.

c. Hỗ trợ xây dựng mới hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật tại các tuyến giao thông trong khu dân cư với mức 50 triệu đồng/km nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/xã.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

1. Ủy ban nhân dân huyện

a. Ban hành văn bản hướng dẫn về trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện Quy định này;

b. Xây dựng dự toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định;

c. Kiểm tra việc thực hiện chính sách; phát hiện và đề xuất những chính sách cần sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định;

2. Các phòng, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

a. Tuyên truyền, phổ biến kịp thời cho người sản xuất biết các nội dung của chính sách để có hướng đầu tư, phát triển sản xuất.

b. Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định này, đảm bảo các chính sách được thực hiện đúng phạm vi, đối tượng và hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế xã hội theo đúng mục tiêu kế hoạch đề ra;

c. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân theo quy định hiện hành. Đề xuất giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định.

Điều 14. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí

Tổ chức thực hiện sản xuất, kinh doanh; xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định. Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành./.